

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
CBQL	Cán bộ quản lý
CNH – HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại
CSVC	hóa Cơ sở vật chất
ĐTN	Đoàn Thanh niên
GDĐĐ	Giáo dục đạo đức
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giáo viên
GVBΜ	Giáo viên bộ môn
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HS	Học sinh
KT–XH	Kinh tế - xã hội
Nxb	Nhà xuất bản
NQ	Nghị quyết
QL	Quản lý
QLGD	Quản lý giáo dục
THPT	Trung học phổ thông
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

ii

MỤC LỤC

Lời cảm ơn	
i Danh mục chữ viết tắt	
ii Danh mục các bảng	
vii Danh mục biểu đồ	
viii	

MỞ ĐẦU

.....1

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	6 1.1.
Tổng quan nghiên cứu vấn đề	6
<i>1.1.1. Nghiên cứu ngoài nước.....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2. Các nghiên cứu trong nước.....</i>	<i>7</i>
1.2. Một số khái niệm cơ bản.....	9
<i>1.2.1. Khái niệm quản lý</i>	<i>9</i>
<i>1.2.2. Quản lý giáo dục</i>	<i>10</i>
<i>1.2.3. Khái niệm quản lý nhà trường</i>	<i>12</i>
<i>1.2.4. Khái niệm đạo đức</i>	<i>12</i>
<i>1.2.5. Giáo dục đạo đức.....</i>	<i>14</i>
<i>1.2.6. Hoạt động giáo dục đạo đức.....</i>	<i>15</i>
<i>1.2.7. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức.....</i>	<i>16</i>
1.3. Lý luận về hoạt động giáo dục đạo đức trong trường THPT	
.....	17
<i>1.3.1. Mục tiêu giáo dục đạo đức.....</i>	<i>17</i>
<i>1.3.2. Nội dung giáo dục đạo đức</i>	<i>18</i>
<i>1.3.3. Phương pháp giáo dục đạo đức</i>	<i>19</i>
<i>1.3.4. Nhiệm vụ giáo dục đạo đức.....</i>	<i>20</i>
<i>1.3.5. Ý nghĩa của giáo dục đạo đức.....</i>	<i>20</i>
<i>1.3.6. Con đường giáo dục đạo đức.....</i>	<i>21</i>
1.4. Lý luận về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức.....	21
<i>1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ của hiệu trưởng.....</i>	<i>21</i>
<i>1.4.2. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh THPT.....</i>	<i>23</i>
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT.....	25
iii	
<i>1.5.1. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT.....</i>	<i>25</i>
<i>1.5.2. Yếu tố gia đình</i>	<i>27</i>
<i>1.5.3. Yếu tố nhà trường.....</i>	<i>28</i>
Tiểu kết chương	
1.....	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO

**ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGUYỄN VĂN HUYỀN, THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG -TỈNH TUYỀN
QUANG.....31**

**2.1. Khái quát địa bàn nghiên
cứu.....31**

2.1.1. Khái quát về tình hình kinh tế -xã hội địa phương31

*2.1.2. Khái quát về Trường THPT Nguyễn Văn Huyền thành phố Tuyền Quang,
tỉnh Tuyền Quang.....32*

2.2. Tổ chức nghiên cứu khảo sát thực trạng34

2.2.1. Mục đích khảo sát34

2.2.2. Đối tượng khảo sát.....34

2.2.3. Nội dung khảo sát35

2.2.4. Phương pháp thu thập thông tin35

2.2.5. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu.....37

**2.3. Thực trạng đạo đức của học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền,
thành phố Tuyền Quang37**

*2.3.1. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục học tập và hạnh kiểm học sinh trường THPT
Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang ...37*

2.3.2. Thực trạng vi phạm đạo đức của học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền ...39

2.3.3. Nguyên nhân ảnh hưởng đến hành vi, vi phạm đạo đức của học sinh40

**2.4. Thực trạng hoạt động GDĐĐ học sinh tại trường THPT Nguyễn Văn
Huyền.....43**

*2.4.1. Nhận thức của giáo viên, phụ huynh và học sinh nhà trường về tầm quan
trọng GDĐĐ học sinh.....43*

2.4.2. Thực trạng hoạt động GDĐĐ học sinh.....44

**2.5. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh ở trường THPT
Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyền Quang49**

2.5.1. Thực trạng về công tác xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh.....49

2.5.2. Công tác chỉ đạo thực hiện giáo dục đạo đức học sinh.....51

iv

2.5.3. Công tác tổ chức52

2.5.4. Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ.....53

**2.6. Đánh giá chung về thực trạng và quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh
ở trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyền Quang.....55**

2.6.1. Ưu

điểm.....	55
tồn tại hạn chế.....	56
nhân của những hạn chế yếu kém:	57
2.....	58

CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN HUYỀN, THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TỈNH TUYẾN QUANG.....

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường THPT.....	59
---	-----------

3.1.1. Đảm bảo tính thực tiễn.....	59
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ	59
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả	59
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi	60

3.2. Nội dung các biện pháp.....	60
---	-----------

3.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức đối với các thành viên tham gia công tác giáo dục đạo đức học sinh.....	60
3.2.2. Biện pháp 2: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức học sinh.....	63
3.2.3. Biện pháp 3: Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch GDĐĐ cho học sinh.....	68
3.2.4. Biện pháp 4: Xây dựng môi trường sư phạm mẫu mực trong nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện học sinh.....	70
3.2.5. Biện pháp 5: Tổ chức phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.....	72
3.2.6. Biện pháp 6: Đa dạng hóa các hình thức hoạt động giáo dục đạo đức học sinh	74

3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp	77
--	-----------

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp	77
--	-----------

3.4.1. Mục đích, nội dung, hình thức khảo nghiệm.....	77
3.4.2. Kết quả khảo nghiệm.....	79
3.4.3. Tương quan giữa mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của các biện pháp đề	

<i>xuất</i>	84	Tiểu kết
chương 3	85	
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	86	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89	
PHỤ LỤC	91	

Bảng 2.1: Đối tượng khảo sát.....	34
Bảng 2.2: Bảng xếp loại kết quả hạnh kiểm của học sinh 3 năm học (2013-2016).....	37
Bảng 2.3: Bảng xếp loại kết quả học tập của học sinh (2013-2016)	38
Bảng 2.4: Những biểu hiện vi phạm đạo đức của học sinh	39
Các nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng vi phạm đạo đức	41
Bảng 2.6: Nhận thức của CBQL, GV, phụ huynh và học sinh về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức học sinh	43
Bảng 2.7: Thực trạng thực hiện các nội dung giáo dục đạo đức	44
Bảng 2.8: Các hình thức tổ chức giáo dục đạo đức học sinh.....	46
Bảng 2.9: Thực trạng các phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh	47
Bảng 2.10: Thực trạng các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức học sinh.....	48
Bảng 2.11: Thực trạng xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho học sinh	50
Bảng 2.12: Thực trạng công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh.....	51
Bảng 2.13: Thực trạng công tác tổ chức	52
Bảng 2.14: Thực trạng về công tác kiểm tra đánh giá quản lý GDĐĐ.....	53
Bảng 3.1: Đối tượng khảo nghiệm.....	78
Bảng 3.2: Kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết của các biện pháp	79
Bảng 3.3: Kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp.....	82

Biểu đồ 2.1: Xếp loại hạnh kiểm 3 năm học (2013 – 2016).....	38
Biểu đồ 2.2: Xếp loại học lực 03 năm học (2013 – 2016).....	38
Biểu đồ 3.1: Khảo nghiệm tính cấp thiết của các biện pháp.....	80
Biểu đồ 3.2: Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp	82

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục và đào tạo có vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Giáo dục đào tạo có sứ mạng cao cả là đào tạo nhân tài, phát triển nguồn nhân lực cho đất nước. Ở mỗi quốc gia, giai đoạn nào giáo dục đào tạo được quan tâm đúng đắn thì khi đó xã hội sẽ phát triển lành mạnh và bền vững.

Những năm gần đây, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đất nước ta không ngừng phát triển về mọi mặt song bên cạnh những mặt tích cực còn phát sinh những vấn đề mà chúng ta cần đổi mới từ những nguy cơ, thách thức từ mặt trái của cơ chế thị trường đang tác động đến tư tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận thanh niên, học sinh.

Công tác giáo dục đạo đức học sinh trong giai đoạn hiện nay càng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cao hơn, cần thiết hơn khi toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện chỉ thị 06-CT/TW, ngày 7/11/2006 của Bộ Chính trị tham gia cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, bước đầu đã có kết quả nhất định, khẳng định việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là rất quan trọng và cần thiết đối với thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay. Để tiếp tục đẩy mạnh hơn cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 trong đó nêu rõ nhiệm vụ cần thực hiện *"Coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ, cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể các cấp có biện pháp cụ thể để tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ theo tấm gương đạo đức Bác Hồ"* [2].

Đảng ta đã chủ trương: *"Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác – Lê Nin, đưa việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhà trường phù hợp với từng lứa tuổi và bậc học..."*[8]. Đây sẽ là sẽ là nguồn lực tinh thần to lớn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên để có tri thức bản thân người học phải có nhận thức đúng đắn về việc học, học để thành tài là quan trọng song quan trọng hơn và trước hết người học phải biết đạo làm người. Bởi vậy, tu dưỡng và rèn luyện bản thân để

kiện đại hội XII, kế thừa quan điểm chỉ đạo của nhiệm kỳ trước Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là một kế sách, quốc sách hàng đầu, tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, phấn đấu trong những năm tới tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo đáp ứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước: *"Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học"* [12, tr.115].

Giáo dục đạo đức học sinh là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó giáo dục ở nhà trường có vai trò định hướng. Vấn đề đặt ra làm thế nào ngăn chặn và khắc phục được tình trạng suy thoái đạo đức, để bảo vệ sự trong sạch, lành mạnh của đời sống đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay. Đẩy mạnh quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh phổ thông góp phần quan trọng vào thắng lợi cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước, chống lại các thế lực thù địch và chủ nghĩa Đế quốc đang âm mưu phá hoại nhân cách đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay. Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh phổ thông cần được quan tâm, cải tiến và đẩy mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục toàn diện, hài hoà, đáp ứng yêu cầu mới của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm gần đây trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang đã thực hiện đúng quan điểm chủ chương của Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt sự chỉ đạo của Ngành về mục tiêu kế hoạch năm học đề ra, cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh trong nhà trường trường đã xác định đúng tầm quan trọng của công tác GD toàn diện cho học sinh, ngoài việc quan tâm tới giáo dục kiến thức văn hóa nhà trường rất chú trọng xây dựng kế hoạch đề ra các biện pháp giáo dục đạo đức học sinh, đảm bảo với mục tiêu giáo dục toàn diện về phẩm chất và năng lực cho học sinh. Giúp cho tập thể sư phạm của nhà trường thấy được nhiệm vụ quan trọng này để ngoài việc dạy chữ cho tốt còn phải lưu tâm, hết lòng giáo dục các em phát triển toàn diện cả tài lẫn đức. Với các hoạt động giáo dục đạo

sống tốt hơn. Chính vì vậy kết quả GDĐĐ của học sinh đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, có nhiều tấm gương sáng học sinh được nêu gương.

Tuy nhiên, hiện nay hiệu quả công tác GDĐĐ học sinh tại trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang chưa cao do nguyên nhân chủ quan và khách quan, học sinh ngày càng chịu nhiều sự tác động của xã hội đó là sự lệch chuẩn về đạo đức của một số thanh niên, có học sinh vi phạm pháp luật, sống vô cảm, không có ý chí, tính tự chủ dễ bị lôi cuốn vào những việc xấu, sống không có lý tưởng, sống buông thả, mãi chơi, đua đòi, có hành vi côn đồ...nguyên nhân do cha mẹ buông lỏng giáo dục, phó mặc cho nhà trường, cho xã hội, những tác động xấu từ mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động xấu tới các giá trị đạo đức truyền thống, gây đáng lo ngại cho các bậc cha, mẹ. Bên cạnh đó một nguyên nhân chủ quan là do nhà trường chưa có biện pháp GDĐĐ hữu hiệu giáo dục đạo đức học sinh nên hiệu quả chưa cao.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn, vấn đề GDĐĐ học sinh trường THPT trong bối cảnh hiện nay là hết sức cấp bách và cần thiết. Đặc biệt, đối với học sinh THPT Nguyễn Văn Huyền thành phố Tuyên Quang nhằm phát triển toàn diện học sinh là lý do tác giả chọn Đề tài nghiên cứu: **“Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh ở trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang”**

2. Mục đích nghiên cứu

Luận văn dựa trên nghiên cứu về lý luận và nghiên cứu thực trạng hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang, từ đó đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh nhằm nâng cao hiệu quả cao hơn.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền thành phố Tuyên Quang - Tỉnh Tuyên Quang. - Khách thể nghiên cứu: Hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường THPT. **4. Phạm vi nghiên cứu**

- Nội dung: Khảo sát nghiên cứu kết quả xếp loại rèn luyện đạo đức học sinh trong 3 năm học (năm học 2012- 2013; năm học 2013-2014; năm học 2014-2015).

- Không gian: Trường THPT Nguyễn Văn Huyền thành phố Tuyên Quang
- Thời gian: thời gian nghiên cứu 05/2016 – 02/2017

5. Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền hiện nay như thế nào?

- Cần có những biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ nào để nâng cao chất lượng hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền? **6. Giả thuyết nghiên cứu**

Qua nghiên cứu thực tế tại trường THPT Nguyễn Văn Huyền trong thời gian qua, hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện hiện nay. Nếu được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và đánh giá đúng thực trạng quản lý giáo dục sẽ đề xuất được các biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ đảm bảo tính cấp thiết và tính khả thi để nâng cao chất lượng hoạt động GDĐĐ học sinh ở trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang.

7. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh THPT. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng đạo đức, hoạt động giáo dục đạo đức, thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

8. Phương pháp nghiên cứu

8.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp Nghiên cứu lý thuyết, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống tổng quan, cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu, nghiên cứu các văn bản, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, tài liệu lý luận về giáo dục đạo đức, quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh.

8.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Gồm các phương pháp: điều tra bằng bảng hỏi,

Phương pháp phỏng vấn sâu đối với các đối tượng cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh, học sinh nhằm tìm hiểu thực trạng đạo đức của học sinh, hoạt động GDĐĐ, công tác quản lý hoạt động GDĐĐ của nhà trường.

Phương pháp quan sát một số hiện tượng vi phạm đạo đức của học sinh, quan sát công tác quản lý đạo đức của học sinh trong nhà trường.

8.3. Nhóm phương pháp thống kê

Để phân tích và xử lý các số liệu thu được, chúng tôi tiến hành sử dụng phần mềm thống kê xã hội (phần mềm SPSS 22.0)

9. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về quản lý GDĐĐ học sinh ở trường phổ thông, làm tài liệu nghiên cứu tại nhà trường và các cơ sở giáo dục khác. - Phân tích thực trạng đạo đức học sinh, giáo dục đạo đức, hoạt động giáo dục đạo đức, các nguyên nhân ảnh hưởng tới quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh tại trường THPT Nguyễn Văn Huệ, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh, giúp nhà trường làm tốt hơn công tác giáo dục toàn diện học sinh.

- Là tài liệu nghiên cứu tham khảo quý giá trong công tác đào tạo chuyên ngành QLGD tại trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và khuyến nghị, luận văn gồm 3 chương:
Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT.

Chương 2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huệ, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. *Chương 3.* Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huệ, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Nghiên cứu ngoài nước

Chúng ta đã biết, lịch sử phát triển giáo dục luôn gắn với lịch sử phát triển xã hội loài người. Giáo dục là đào tạo con người, tạo ra những con người có đầy đủ năng lực, phẩm chất và trí tuệ đáp ứng với yêu cầu của thời đại. Đạo đức đóng vai trò rất quan trọng đối với xã hội vì góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội với những chuẩn mực giá trị đúng đắn. Do vậy vấn đề giáo dục đạo đức trong bối cảnh hiện nay luôn được sự quan tâm của gia đình, nhà trường và xã hội.

Từ thời cổ đại: Khổng Tử (551- 479 TCN) một nhà tư tưởng, nhà triết học, nhà giáo dục, nhà chính trị nổi tiếng người Trung Hoa đã rất coi trọng việc giáo dục đạo đức trong nhân cách con người. Đạo đức là gốc của con người, quan điểm đạo đức của Khổng tử bao gồm nhiều mặt như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, dũng, song tập trung chủ yếu vào chữ “*nhân*” là lòng thương người, “*lễ*” là sự biểu hiện của “*nhân*” là biểu hiện hành vi ra ngoài, “*nhân*” là gốc là đạo đức bên trong trái tim con người. Theo Khổng Tử, làm người trước hết phải có hiếu nghĩa, phải đền ơn sinh thành. Đó là việc giáo dục lòng nhân ái và biết sống có trên dưới, trung thực, thủy chung, đề cao chữ hiếu bởi vì làm người phải có lòng kính yêu cha mẹ và người thân trong nhà, thì mới biết yêu thương người ngoài, yêu thương đồng loại, tu dưỡng “*đức*” rồi mới học văn. Quan niệm về đức của Khổng Tử có nhiều ý tưởng sâu sắc và phong phú thể hiện lòng tin ở tính thiện của con người và chủ trương bồi dưỡng, phát huy thiện đức của con người, làm cơ sở cho đường lối đức trị của mình.

A.X. Makarenco nhà giáo dục học và tâm lý học của Liên Xô, đại diện cho nền giáo dục đương đại, đã nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục đạo đức và các biện pháp giáo dục đúng đắn như sự nêu gương, “*giáo dục trong tập thể và giáo dục bằng tập thể*” trong tác phẩm “*Bài ca sư phạm*”, các vấn đề giáo dục người công dân (giáo dục trẻ em phạm pháp và không gia đình). Ông kết luận “*Nhiệm vụ giáo dục của chúng ta nói tóm lại là giáo dục tập thể*”. Điều đó có nghĩa là hình thành

nhận thức, tình cảm, hành vi, thói quen tập thể; là góp phần tạo ra nhân sinh quan XHCN, bộ mặt đạo đức chủ yếu của con người mới XHCN để phân biệt với con người của giai cấp bóc lột- con người ích kỷ, cá nhân[21, tr. 216]. ***1.1.2. Các nghiên cứu trong nước***

Dân tộc Việt Nam có truyền thống luôn coi trọng việc GDĐĐ, giáo dục theo truyền thống nho giáo, vốn coi trọng giáo dục luân lý, lễ nghĩa góp phần cơ bản xây dựng nền tảng đạo đức xã hội. Đạo đức và tài năng là hai yếu tố căn bản tạo nên nhân cách của con người, luôn coi trọng đạo đức coi đó là gốc rễ. Ngày nay với xu thế phát triển và hội nhập toàn cầu Đảng và Nhà nước luôn quan tâm vấn đề GDĐĐ. Việc tìm hiểu, nghiên cứu về quản lý giáo dục, quản lý GDĐĐ cũng là một trong những trọng tâm nghiên cứu của nhiều tác giả, nhà khoa học. Trong những năm qua nhiều công trình nghiên cứu về GDĐĐ của nhiều tác giả trong nước đã được công bố từ góc độ tâm lý học, giáo dục học. Nhiều công trình nghiên cứu gần đây về khoa học quản lý của các nhà nghiên cứu và các giảng viên đại học, các cán bộ Viện nghiên cứu dưới dạng giáo trình, sách tham khảo, phổ biến kinh nghiệm... đã được công bố đó là cá tác giả Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Đức Chính, Hà Nhật Thăng, Nguyễn Quốc Chí... Các công trình trên đã góp phần giải quyết vấn đề lý luận rất cơ bản về khoa học quản lý.

Trong giai đoạn hiện nay việc đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước ngoài việc nâng cao trình độ khoa học- kỹ thuật, rèn luyện tác phong công nghiệp cần phải coi trọng đạo đức lý tưởng. Nghị quyết Hội nghị lần III Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII khẳng định: "*Mục tiêu chủ yếu là giáo dục toàn diện đức, chí, thể, mỹ ở tất cả các bậc học, hết sức coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành*" [7].

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (7/2004) Đảng ta xác định nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ đổi mới là: "*Đẩy mạnh giáo dục xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng lòng yêu nước, tạo sự chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống, năng lực trí tuệ con người Việt Nam, đủ sức thành công sự nghiệp CNH-HĐH đất nước*" [8].

Tại Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013) với nội dung "*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo*

dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Đối với mục tiêu của từng cấp học "Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn"[10]. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách trong giáo dục đạo đức hiện nay là: "*Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*" [10].

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng vĩ đại của dân tộc, Người đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức theo Người tài phải đi đôi với đức, Người nói: "*dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng*"[22, tr.39]. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh đến giá trị đạo đức cách mạng là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm và cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. Đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh quan tâm và đề cao không chỉ là đạo đức theo nghĩa thông thường mà là khẳng định những giá trị đạo đức truyền thống, đồng thời tiếp thu phát triển tinh hoa đạo đức của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Kim Thoa - Trần Văn Tính - Vũ Phương Liên: "*Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh THPT*" đã nghiên cứu giáo dục kỹ năng sống nhằm GDĐĐ cho học sinh THPT. Đây là tài liệu rất quan trọng được giáo viên nhiều trường THPT nghiên cứu và sử dụng [22].

Tác giả Phạm Minh Huệ nghiên cứu "*Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh ở trường THPT thành phố Thái Bình*". đã đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh tại các trường THPT thành phố Thái Bình được đánh giá cấp thiết khả thi; [16] tương tự như vậy, tác giả Nguyễn Văn Hà nghiên cứu "*Quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh tại trường THPT Quan Lạn, Quảng Ninh*" [13].

Qua những đề tài trên, các tác giả đã đi sâu nghiên cứu thực trạng công tác

quản lý GDĐĐ của hiệu trưởng tại các cơ sở giáo dục đào tạo khác nhau: Đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của các biện pháp quản lý, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có đề tài nào nghiên cứu về quản lý GDĐĐ học sinh ở trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên quang. Do vậy để làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động GDĐĐ, quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh. Từ đó đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ, có thể áp dụng trong thực tiễn tại trường THPT Nguyễn Văn Huyền. Chính vì vậy tôi mong muốn được đóng góp một phần của mình làm tư liệu tham khảo cho các nhà QLGD ở thành phố Tuyên Quang, nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho học sinh. Với hy vọng mong muốn góp được một phần nhỏ bé của mình vào việc nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho học sinh trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Khái niệm quản lý

Khái niệm quản lý là một khái niệm rộng, nó gắn liền với hoạt động của con người rất đa dạng, phức tạp do vậy các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau:

Theo quan niệm truyền thống quản lý là quá trình tác động có ý thức của chủ thể vào bộ máy (*đối tượng quản lý*) bằng cách vạch ra mục tiêu cho bộ máy, tìm kiếm các biện pháp tác động để bộ máy đạt tới mục tiêu xác định.

Theo quan niệm hiện nay quản lý là những hoạt động nhằm định hướng và kiểm soát quá trình tiến tới mục tiêu.

Theo Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Nguyễn Quốc Chí: "*Quản lý là tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (người bị quản lý) trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích tổ chức*" [18].

Theo Nguyễn Ngọc Quang: "*Quản lý là tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức*" [24].

Bản thân khái niệm quản lý có tính đa nghĩa nên có sự khác biệt giữa nghĩa

nên quản lý cũng có nhiều giải thích, lý giải khác nhau. Cùng với sự phát triển của phương thức xã hội hóa sản xuất và sự mở rộng trong nhận thức của con người thì sự khác biệt về nhận thức và lý giải khái niệm quản lý càng trở nên rõ rệt. Quản lý được là một công việc mà một người lãnh đạo học suốt đời và cũng là sự khởi đầu của những gì họ nghiên cứu. Quản lý được giải thích như là nhiệm vụ của một nhà lãnh đạo thực thụ, nhưng không phải là sự khởi đầu để họ triển khai công việc. Như vậy, có bao nhiêu nhà lãnh đạo tài ba thì có bấy nhiêu kiểu nghĩ và giải thích về quản lý. Suy cho cùng quản lý là yêu cầu tối thiểu nhất của việc lý giải vấn đề quản lý dựa trên lý luận và nghiên cứu quản lý học.

Qua những lý luận trên ta có thể khái quát về quản lý như sau:

Quản lý nghĩa là tiến hành một công việc, là làm cho một sự kiện nảy sinh, là quá trình lôi cuốn tất cả mọi người vào hoạt động của họ trong một tổ chức, là hoạt động chung của toàn bộ tổ chức, quá trình quản lý một cách hiệu nghiệm là kết quả của việc học hỏi lý luận và thực tiễn đã được mô tả và áp dụng chúng vào tình huống cụ thể khiến chúng phù hợp với bối cảnh riêng do vậy quản lý luôn có tính mục đích, nghĩa là hoạt động luôn hướng tới việc đạt được kết quả.

Tuy nhiên quản lý không có nghĩa tuyệt đối, khi chúng ta áp dụng cách thức quản lý vào những bối cảnh cụ thể. Quản lý chỉ có ý nghĩa nếu nó được biến thái trong mỗi tình huống cụ thể và khái niệm quản lý chỉ có giá trị nếu nó được quan niệm theo mỗi tình huống cụ thể mà thôi. Tình huống trong quản lý là tình huống quản lý nảy sinh trong quá trình điều khiển hoạt động và quan hệ quản lý buộc người quản lý phải giải quyết để đưa ra các hoạt động và các quan hệ đó trở về trạng thái ổn định và phát triển khớp nhịp nhằm hướng tới một mục đích, yêu cầu đã được xác định. Do đó muốn quản lý tốt ta phải có kiến thức khái quát về lý luận và thực tiễn thì mới mong giải quyết tốt các tình huống cụ thể xảy ra cho nên quản lý là một khái niệm có tính tình huống cụ thể.

1.2.2. Quản lý giáo dục

Theo Nguyễn Thị Mỹ Lộc: “*Quản lý giáo dục là quá trình thực hiện có định hướng và hợp quy luật các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra nhằm đạt tới mục tiêu giáo dục đã đề ra*” [19, tr.15].

nói rộng ra là quản lý giáo dục là quản lý hoạt động dạy học và học nhằm đưa nhà trường từ trạng thái này sang trạng thái khác và dần đạt tới mục tiêu giáo dục đã xác định" [15, tr.61].

Theo các nhà quản lý giáo dục thực tiễn còn quan niệm: Quản lý giáo dục theo nghĩa tổng quan là hoạt động điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội nhằm thúc đẩy mạnh công tác đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội. Ngày nay, với sứ mệnh phát triển giáo dục thường xuyên, công tác giáo dục không chỉ giới hạn ở thế hệ trẻ mà còn rộng ra cho mọi người; tuy nhiên trọng tâm vẫn là giáo dục thế hệ trẻ cho nên quản lý giáo dục được hiểu là sự điều hành hệ thống giáo dục quốc dân, các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang: "*Quản lý giáo dục là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp qui luật của chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội, chủ nghĩa Việt Nam, mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học - giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về vật chất" [24].*

Quản lý giáo dục được hiểu như việc thực hiện đầy đủ các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra trên toàn bộ các hoạt động giáo dục và tất nhiên cả những phần tài chính và vật chất của các hoạt động đó nữa. Do đó quản lý giáo dục là quá trình thực hiện có định hướng và hợp qui luật các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá nhằm đạt tới mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Qua những khái niệm trên chúng ta có thể hiểu khái quát như sau: Quản lý giáo dục là quá trình tác động có kế hoạch, có tổ chức của các cơ quan quản lý giáo dục các cấp tới các thành tố của quá trình dạy học-giáo dục nhằm làm cho hệ giáo dục vận hành có hiệu quả và đạt tới mục tiêu giáo dục nhà nước đề ra.

Như vậy quan niệm về quản lý giáo dục có thể có những cách diễn đạt khác nhau, song trong mỗi cách các định nghĩa đều đề cập tới các yếu tố cơ bản: Chủ thể quản

lý giáo dục; khách thể quản lý giáo dục, mục tiêu quản lý giáo dục, ngoài ra còn phải kể tới cách thức (phương pháp quản lý giáo dục) và công cụ (hệ thống văn bản qui phạm pháp luật) quản lý giáo dục. Sự đúc kết thực tiễn điều hành công tác

cơ sở giáo dục học, điều khiển học, lý luận quản lý kinh tế - xã hội và một số khoa học khác hình thành nên lý luận quản lý giáo dục.

Quản lý giáo dục là tổ chức hoạt động dạy học, có tổ chức được hoạt động dạy học, thực hiện được các tính chất của nhà trường phổ thông Việt Nam xã hội chủ nghĩa mới quản lý được giáo dục; tức là mới cụ thể hóa được đường lối giáo dục của Đảng và biến đường lối đó thành hiện thực, đáp ứng với yêu cầu của nhân dân, của đất nước.

1.2.3. Khái niệm quản lý nhà trường

Quản lý nhà trường là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý (các cấp quản lý của hệ thống giáo dục) nhằm làm cho nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục, để đạt tới mục tiêu giáo dục đặt ra cho từng thời kỳ phát triển của đất nước.

Theo tác giả Phạm Minh Hạc: "*Quản lý nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục, để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và từng học sinh*" [14].

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang: "*Quản lý nhà trường là quản lý hệ thống xã hội chuyên biệt, hệ thống này đòi hỏi những tác động có ý thức, có kế hoạch hướng đích của chủ thể quản lý lên tất cả các mặt của đời sống nhà trường để đảm bảo sự vận hành tối ưu kinh tế - xã hội và tổ chức sự phạm của quá trình dạy học giáo dục thế hệ đang lớn lên*" [24].

Quản lý nhà trường là quản lý giáo dục được thực hiện trong phạm vi xác định của một đơn vị giáo dục nhà trường, bao gồm quản lý tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục, tài chính, nhân lực, nhằm thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo yêu cầu của xã hội.

1.2.4. Khái niệm đạo đức

Theo "Từ điển Tiếng Việt": "*Đạo đức là phép tắc về quan hệ giữa người với người; giữa cá nhân với tập thể, với xã hội*" [27, tr 87]. "*Phẩm chất tốt đẹp của con người là sống có đạo đức*" [27, tr.96].

Theo tác giả Phạm Minh Hạc: Đạo đức có thể được hiểu theo nghĩa hẹp và

những chuẩn mực ứng xử trong quan hệ của con người với con người, với công việc với bản thân, kể cả với thiên nhiên và môi trường sống" [15, tr. 56]. Theo nghĩa rộng "khái niệm đạo đức liên quan chặt chẽ với phạm trù chính trị, pháp luật, lối sống, đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách của cá nhân được xã hội hoá" [15, tr.58].

Như vậy đạo đức là luân lý, là chuẩn mực ứng xử là đã gắn khái niệm đạo đức với giá trị đạo đức, chuẩn mực đạo đức xã hội.

Theo tác giả Hà Nhật Thăng: *"Khi giá trị đạo đức biến thành nhận thức chung của mọi thành viên thì nó trở thành truyền thống, có sức mạnh vật chất điều chỉnh nhận thức và hành động chung của toàn xã hội. Vì vậy đạo đức có vai trò, có ý nghĩa rất lớn trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" [25].*

Theo Trần Hậu Kiềm: *" Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt bao gồm một hệ thống những quan điểm, quan niệm, những qui tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội. Nó ra đời, tồn tại và biến đổi từ nhu cầu của xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ của xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội" [17, tr.12].*

Nhưng trước hết phải hiểu đạo đức là "Một hình thái xã hội", là "thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách của cá nhân được xã hội hoá" thì mọi hành vi ứng xử của con người với xã hội, với tự nhiên đều phản ánh đạo đức của mỗi người; đạo đức đó đều phản ánh những giá trị, những chuẩn mực mà người ta nhận thức. Như vậy với cá nhân, mỗi hành vi ứng xử đều phản ánh một giá trị dương (+), vì nó chỉ thể hiện thoả mãn những nhu cầu, những nhận thức, tình cảm của cá nhân với xã hội. Nhưng với xã hội giá trị đó là âm (-) hay dương (+) còn tùy thuộc vào chuẩn mực, quy tắc mà xã hội lúc đó quy định, thừa nhận.

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về khái niệm đạo đức. Tuy nhiên có thể hiểu khái niệm này dưới hai góc độ.

Góc độ xã hội:

Đạo đức là một hình thái xã hội đặc biệt được phản ánh dưới dạng nguyên tắc, yêu cầu, chuẩn mực điều chỉnh (Hoặc chi phối) hành vi của con người trong các

mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với xã hội, giữa con người với nhau và với chính bản thân mình.

Góc độ cá nhân:

Đạo đức chính là những sản phẩm, nhân cách của con người, phản ánh ý thức, tình cảm, ý chí, hành vi, thói quen và cách ứng xử của họ trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội, giữa bản thân họ với người khác và với chính bản thân mình. Một số nghiên cứu khác về đạo đức đã khẳng định đạo đức là một hệ thống qui tắc mang tính chuẩn mực xã hội trong ứng xử, một mặt khác lại đặt đạo đức trong mối quan hệ văn hóa, tôn giáo, triết học, coi đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt.

Trên cơ sở một số điểm chung, ta có thể tóm tắt khái niệm đạo đức như sau: Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội nảy sinh và phát triển của xã hội loài người, là một hệ thống những qui tắc ứng xử chuẩn mực của con người trong cuộc sống.

Bản chất đạo đức là những qui tắc, những chuẩn mực xã hội, nó được hình thành, tồn tại và phát triển trong cuộc sống, được xã hội thừa nhận và tự giác thực hiện. Đạo đức chính là văn hóa trong cuộc sống, là biểu hiện của trình độ nhận thức của cá nhân và trình độ dân trí xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường và sự hội nhập quốc tế, khái niệm đạo đức cũng có thay đổi theo tư duy nhận thức mới nhưng không có nghĩa giá trị đạo đức cũ mất đi thay bằng các giá trị đạo đức mới mà các giá trị đạo đức hiện nay là sự kết hợp sâu sắc giữa đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc với xu hướng tiến bộ của thời đại và nhân loại.

1.2.5. Giáo dục đạo đức

Theo tác giả Phạm Viết Vượng: *"Giáo dục đạo đức là quá trình tác động tới người học để hình thành cho họ ý thức, tình cảm, niềm tin đạo đức, đích cuối cùng và quan trọng nhất là tạo lập được những thói quen, hành vi đạo đức"* [28, tr.18].

A.X. Makarenco: *"Giáo dục đạo đức có nghĩa là rèn luyện những phẩm chất tốt cho học sinh tính trung thực, thật thà, tận tâm, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, lòng yêu thích học tập, thái độ xã hội chủ nghĩa đối với người lao động, chủ nghĩa yêu nước)* và tên cơ sở đó uốn nắn những sai sót của chúng"[21]. Giáo dục đạo đức được xem là nền tảng, gốc rễ tạo ra nội lực tiềm năng vững

chắc cho các mặt giáo dục khác, là sự tác động có hệ thống của nhà giáo dục (chủ thể) lên người được giáo dục (khách thể) có mục đích, kế hoạch, chuyển hóa những

quan điểm, yêu cầu và ý thức xã hội có liên quan thành phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân. GDĐĐ có mối liên hệ chặt chẽ với giáo dục chính trị - tư tưởng đạo đức, người học được giáo dục thấm nhuần sâu sắc thể giới quan Mác - Lênin, tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh, tính chân lý khách quan của các giá trị đạo đức, nhân văn, nhân bản của các tư tưởng đó, coi đó là kim chỉ nam cho hành động của mình.

Giáo dục đạo đức phải thấm nhuần các chủ trương, chính sách của Đảng, biết sống và làm việc theo pháp luật, sống có kỷ cương nề nếp, có văn hoá trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội và giữa con người với nhau. Trên cơ sở thông qua việc tiếp cận với cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc và hoạt động của cá nhân để củng cố niềm tin và lẽ sống, lý tưởng sống, lối sống theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục đạo đức phải làm cho nhận thức ngày càng sâu sắc nguyên tắc, yêu cầu, chuẩn mực và các giá trị đạo đức xã hội chủ nghĩa. Biến các giá trị đó thành ý thức, tình cảm, hành vi, thói quen và cách ứng xử trong đời sống hàng ngày. Quá trình GDĐĐ cần phải theo đặc điểm của từng loại đối tượng trong giáo dục.

Quá trình GDĐĐ có nhiệm vụ: Phát triển nhu cầu đạo đức cá nhân; hình thành và phát triển ý thức đạo đức; rèn luyện ý chí, hành vi, hình thành thói quen ứng xử đạo đức; phát triển các giá trị đạo đức cá nhân theo những định hướng giá trị mang tính đặc thù dân tộc và thời đại.

Quá trình GDĐĐ đức không chỉ định hướng cho các hoạt động GDĐĐ mà còn định hướng cho hoạt động dạy học nói chung, dạy môn học đạo đức nói riêng (môn GD&ĐT, một số môn học khác...). Với tư cách là người quản lý giáo dục, trước hết cần phải hiểu biết một cách sâu sắc những vấn đề chung của quá trình GDĐĐ. Từ đó mới có những định hướng, mục tiêu sát thực, xây dựng được những chương trình, kế hoạch khả thi và có những biện pháp tổ chức chỉ đạo thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả của quản lý giáo dục nói chung, quá trình GDĐĐ nói riêng.

1.2.6. Hoạt động giáo dục đạo đức

Là quá trình tác động đến người học để hình thành cho họ ý thức, tình cảm và niềm tin, hành vi, đích cuối cùng và quan trọng nhất là tạo lập cho học sinh

những thói quen hành vi đạo đức. Có thể hiểu hoạt động GDĐĐ là một hoạt động có tổ chức, có mục đích, có kế hoạch nhằm biến đổi những nhu cầu tư tưởng đạo đức, giá trị đạo đức, góp phần phát triển nhân cách của mỗi cá nhân và thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Hoạt động giáo dục học sinh trong nhà trường là quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất đạo đức của nhân cách học sinh dưới những tác động và ảnh hưởng có mục đích, được tổ chức có kế hoạch; có sự lựa chọn về nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục với vai trò chủ đạo của giáo viên đến học sinh nhằm giúp cho học sinh phát triển nhân cách đúng đắn và có hành vi ứng xử đúng mực trong các mối quan hệ: cá nhân với xã hội, cá nhân với lao động, cá nhân với môi trường tự nhiên và cá nhân với chính mình.

Hoạt động GDĐĐ phải có sự tham gia của chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục. Chủ thể trong trường THPT là các thầy cô, tập thể sư phạm nhà trường, tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... Hiệu trưởng nhà trường với vai trò là người quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường thực hiện quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ngoài ra còn có sự tham gia của gia đình, các lực lượng ngoài xã hội. Đối tượng của hoạt động giáo dục là học sinh tiếp thu các chuẩn mực đạo đức và tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức.

Mặc dù hoạt động học tập vẫn là hoạt động chủ đạo, song nội dung và tính chất hoạt động học tập ở lứa tuổi này khác rất nhiều so với các lứa tuổi trước. Đòi hỏi các em về tính năng động và độc lập cao hơn, tư duy logic nhiều hơn. Nhân cách của mỗi cá nhân được hình thành trong hoạt động, giao lưu. Giáo dục giữ vai trò chủ đạo đối với sự hình thành nhân cách.

1.2.7. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

Theo Phạm Minh Hạc: "*Quản lý nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, được nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, đào tạo đối với ngành giáo dục với thế hệ trẻ- với trường học*" [14]. Quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường

là hướng tới việc thực hiện phát triển toàn diện nhân cách cho học sinh.

Quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh là quá trình tác động có định hướng, có mục đích của chủ thể quản lý (cán bộ quản lý) lên đối tượng giáo dục đạo đức nhằm

đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra, là những hoạt động của tất cả các thành viên tham gia gồm cán bộ quản lý cấp trên, quản lý nhà trường, tổ chức Công đoàn nhà trường, Đoàn thanh niên, giáo viên, gia đình và xã hội.

Giáo dục đạo đức là một bộ phận của quá trình giáo dục tổng thể của nhà trường. Như vậy, quản lý hoạt động GDĐĐ là một quá trình chủ đạo, điều hành hoạt động GDĐĐ của chủ thể giáo dục tác động đến đối tượng giáo dục để hình thành những phẩm chất đạo đức của học sinh, đảm bảo quá trình GDĐĐ đúng hướng, phù hợp với những chuẩn mực, quy tắc đạo đức được xã hội thừa nhận.

Quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh còn là một quá trình huy động các lực lượng giáo dục, các điều kiện phương tiện giáo dục, phù hợp các môi trường giáo dục, giúp học sinh có được tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hình thành hành vi đạo đức phù hợp với yêu cầu của xã hội, phải được tiến hành một cách khoa học đồng bộ, phù hợp với nguyên tắc và chuẩn mực của xã hội.

Để đạt được mục tiêu giáo dục có hiệu quả cao cần phải tăng cường tuyên truyền vận động cá nhân, tổ chức trong nhà trường nâng cao vai trò trách nhiệm trong quá trình tham gia giáo dục.

1.3. Lý luận về hoạt động giáo dục đạo đức trong trường

THPT 1.3.1. Mục tiêu giáo dục đạo đức

Mục tiêu của GDĐĐ là tạo lập được những thói quen, hành vi đúng đắn, trang bị cho học sinh những hiểu biết nhất định về GDĐĐ của xã hội đối với cá nhân và các yêu cầu đó biểu thị dưới dạng các chuẩn mực đạo đức, các qui tắc đạo đức, các khái niệm đạo đức, các nguyên tắc đạo đức, lý tưởng đạo đức... Từ đó học sinh nhận thức đúng đắn giá trị các hành vi đạo đức của mình để ứng xử đúng trong các tình huống đạo đức trong thực tiễn, hình thành kinh nghiệm, thói quen đạo đức, bồi dưỡng cho học sinh có ý thức, thái độ, hành vi với phẩm giá của con người trong quan hệ đối với người khác.

Trang bị cho học sinh những kiến thức về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống pháp luật, văn hóa-xã hội. Hình thành ở mỗi học sinh thái độ, hành vi ứng xử, đạo đức đúng đắn với bản thân và mọi người. Định hướng cho học sinh nắm được các chuẩn mực đạo đức, giúp học sinh biết tránh xa những tác động tiêu cực từ môi trường ngoài, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử văn hóa. Giáo dục lòng yêu

nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học và những tiến bộ khoa học của nhân loại, biết gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. ***1.3.2. Nội dung giáo dục đạo đức***

Quản lý về nội dung hoạt động GDĐĐ đó là thống nhất các nội dung tuyên truyền phổ biến các nội dung cho các lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục, đưa các nội dung GDĐĐ tích hợp trong các bài giảng của các bộ môn học chính khóa, thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp, hoạt động của đoàn thanh niên, ngoại khóa, các nội dung phải được phải được cụ thể hóa thành các tiêu chí thi đua; được cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra đôn đốc, đánh giá, rút kinh nghiệm.

Bao gồm giáo dục các vấn đề chính trị, tư tưởng đạo đức; giáo dục pháp luật; GDĐĐ gia đình; giáo dục tình bạn; giáo dục giá trị kỹ năng sống; GDĐĐ trong các mối quan hệ xã hội.

- Giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức, lối sống: là giáo dục thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu nước, có ý thức thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, lòng yêu thương, nhân ái, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào chế độ chủ nghĩa xã hội, có hoài bão tự thân lập nghiệp, có lối sống lành mạnh. Giáo dục thái độ tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, phân biệt, đánh giá các sự kiện chính trị, xã hội; nhận biết và phê phán những âm mưu, thủ đoạn chính trị của các thế lực thù địch. Giáo dục lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, biết trân trọng các giá trị dân tộc, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân.

- Giáo dục pháp luật: giáo dục ý thức thực hiện, tuân thủ theo chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, trước tiên là thực hiện các nội qui và qui định của nhà trường và việc chấp hành các qui định của nơi cư trú. Giáo dục nhận thức, hành vi, thói quen của lối sống văn minh, tiến bộ, phù hợp với bản sắc dân tộc Việt Nam.

- Giáo dục đạo đức gia đình: là giáo dục lễ nghĩa trong gia đình có thái độ kính trọng lễ phép với người già, người lớn tuổi, cha mẹ, biết đồng cảm, nhường nhịn, quan tâm giúp đỡ mọi người, ý thức trách nhiệm của bản thân với gia đình và người thân.

- Giáo dục tình bạn: Trong nhà trường phải giúp các em tránh ngộ nhận về tình bạn, tình yêu, bè phái, bao che khuyết điểm...

- Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống: đó là các giá trị truyền thống, kỹ năng nhận biết sống với bản thân mình và người khác. Giáo dục các chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức. Giáo dục trách nhiệm của cá nhân trước tập thể và cộng đồng, biết ủng hộ, khuyến khích những biểu hiện của lối sống văn minh, tiên bộ, phù hợp với bản thân.

1.3.3. Phương pháp giáo dục đạo đức

Là sự tác động của nhà giáo dục của nhà giáo dục lên đối tượng giáo dục để tạo họ hình thành những phẩm chất đáp ứng mục tiêu của nhà giáo dục. Bao gồm các phương pháp sau: Phương pháp tổ chức hoạt động; phương pháp kích thích hành vi đạo đức; phương pháp thuyết phục.

- *Phương pháp tổ chức hoạt động*: Là xây dựng kế hoạch, nội dung tổ chức hoạt động, nhằm đưa học sinh vào các hoạt động rèn luyện đạo đức. Đây là phương pháp đưa học sinh vào các hoạt động có kế hoạch, mục đích giúp cho học sinh nhận thức, có hành vi, thói quen đạo đức cụ thể:

+ Phương pháp rèn luyện là phương pháp tổ chức cho học sinh hoạt động để rèn luyện cho các em những thói quen đạo đức, biết nhận thức và tình cảm đạo đức của các em thành hành động thực tế bằng hình thức tổ chức nhiều hoạt động dạy học của nhà trường như dạy học trên lớp, lao động, hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể, thông qua các phong trào thi đua của nhà trường; rèn luyện bằng cách chuyển hướng các hoạt động của học sinh từ hoạt động không có ích sang hoạt động có ích đây là phương pháp nhằm loại bỏ những thói hư tật xấu nào đó bằng tổ chức một hoạt động mới bổ ích, lôi kéo các em ra ngoài những tác động có hại.

+ Phương pháp đi thực tế đây là phương pháp gắn liền học tập với cuộc sống thực tiễn, từ đó thích nghi và đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

- *Phương pháp kích thích hành vi đạo đức*: Là phương pháp tác động vào mặt tình cảm của đối tượng giáo dục, thúc đẩy tính tích cực của khắc phục những sai lầm cụ thể như:

+ Khen thưởng: là tán thành, coi trọng, khích lệ những cố gắng của học sinh làm cho học sinh đó vươn lên hơn nữa và động viên những học sinh khác noi theo, công nhận của tập thể cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ nào đó, biểu dương cá nhân

có cố gắng, có thành tích trong thi đua, có hành vi đạo đức tốt được nêu gương, được tuyên dương.

+ Trách phạt: Là phê phán những khuyết điểm của học sinh, là tác động có tính chất cưỡng bức đến danh dự, lòng tự trọng của cá nhân học sinh để răn đe những hành vi thiếu đạo đức, ngăn ngừa sự tái phạm của học sinh đó và những học sinh khác. Khi xử phạt phải thận trọng và đúng mực, chỉ ra cho học sinh thấy rõ sai lầm, khuyết điểm để sửa chữa

+ Thi đua: Là phương pháp khích lệ tập thể, cá nhân học sinh có nhiều cố gắng giành được thắng lợi trong cuộc thi đua, kích thích học sinh tự khẳng định bản thân. - *Phương pháp thuyết phục*: Là phương pháp tác động vào lý trí, tình cảm học sinh để xây dựng những niềm tin đạo đức như:

+ Giảng giải về đạo đức: tiến hành trong trong giờ học chính khóa, sinh hoạt trên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

+ Nêu gương người tốt, việc tốt bằng nhiều hình thức như: nói chuyện, mời những người có gương phấn đấu tốt lên nói chuyện, động viên những hành vi, cử chỉ đạo đức tốt, khuyến bảo, uốn nắn những mặt chưa tốt.

1.3.4. Nhiệm vụ giáo dục đạo đức

Có các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Giáo dục ý thức đạo đức: Cung cấp cho học sinh những kiến thức và tri thức cơ bản về các phẩm chất, chuẩn mực đạo đức, trên cơ sở đó hình thành niềm tin đạo đức.

- Giáo dục tình cảm đạo đức: Khơi dậy cho học sinh những rung động, cảm xúc đối với hiện thực xung quanh; có thái độ đúng đắn với các hành vi đạo đức của mọi người.

- Giáo dục thói quen đạo đức: là tổ chức rèn luyện học sinh những thói quen về hành vi đạo đức thông qua các hoạt động giáo dục, lặp đi lặp lại nhiều lần trong gia đình, nhà trường và ở xã hội.

1.3.5. Ý nghĩa của giáo dục đạo đức

Giáo dục đạo đức không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, mà còn có ý nghĩa to lớn đối với gia đình và xã hội.

Đối với ba lực lượng: Gia đình - nhà trường - xã hội có tác động rất lớn vào quá trình hình thành nhân cách của con người, trong đó giáo dục gia đình tác động sớm nhất từ khi đứa trẻ chào đời tạo nên phẩm chất, nhân cách đầu tiên. Giáo dục xã hội thông qua các tổ chức đoàn thể, tổ chức nhà nước với thể chế chính trị, chính trị pháp luật, văn hóa đóng quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách của học sinh.

1.3.6. Con đường giáo dục đạo đức

Thứ nhất: Giáo dục trong nhà trường có vai trò chủ đạo trong việc hình thành nhân cách. GDĐĐ trong nhà trường được thực hiện theo hai con đường cơ bản: Thông qua hoạt động dạy học, dạy chữ để dạy người; thông qua các môn học giúp giáo dục các giá trị, chuẩn mực đạo đức và cách ứng xử, hành vi đạo đức trong xã hội, ngoài ra còn giúp người học có những cảm xúc tâm hồn, năng lực thẩm mỹ, rèn luyện ý chí và sức khỏe. Được giáo dục thông qua các chương trình giáo dục ngoài giờ lên lớp như: ngoại khóa, hoạt động tập thể, hoạt động nhân đạo, từ thiện... để giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh.

Thứ hai, Giáo dục trong gia đình có vai trò quan trọng, là nền móng cho giáo dục đạo đức, người thầy đầu tiên của các em chính là ông bà cha mẹ, do vậy tính cách, phẩm chất, thói quen, hành vi đạo đức của các em được hình thành đầu tiên từ cái nôi của gia đình.

Thứ ba, Giáo dục xã hội gồm các lực lượng nơi cư trú, chính quyền địa phương, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan ban ngành đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, Công an)

Thứ tư, Giáo dục thông qua việc tự học, tự rèn luyện mà hình thành những phẩm chất và thói quen hành vi đạo đức của học sinh, giúp học sinh nhanh chóng hoàn thiện nhân cách bản thân.

1.4. Lý luận về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ của hiệu trưởng

Trong luật Giáo dục khoản 1, điều 54 ghi rõ: *“Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận với nhiệm kỳ 5 năm. Thời gian đảm nhiệm chức vụ này không quá 2 nhiệm kỳ ở một trường học trung học. Hiệu trưởng phải giảng dạy dạy ít nhất 5 năm ở bậc trung học hoặc bậc cao hơn, có phẩm chất chính trị, đạo đức*

tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, được bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ quản lý giáo dục, có sức khỏe được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [4]. Như vậy, Hiệu trưởng trường THPT là người đại diện thi hành chức trách của mình quán triệt đầy đủ các văn bản qui phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước trong toàn bộ cơ quan, tập hợp các văn bản pháp quy nhằm nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho họ cùng tham gia quản lý, xây dựng nhà trường; làm cho cha mẹ học sinh và tổ chức xã hội liên quan đến nhà trường hiểu biết đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, luật giáo dục để họ có điều kiện tham gia tích cực trong xây dựng nhà trường cùng phát triển bền vững hơn.

Với vai trò vừa là lãnh đạo vừa là người quản lý đòi hỏi người hiệu trưởng phải có các phẩm chất cần thiết như: tầm nhìn, trực cảm, hiểu mình, chủ động, sáng tạo, có những phẩm chất cần có như: Cần kiệm, Liêm chính, Chí công, Vô tư, vừa có đức và có tài, phải là những chuyên gia giáo dục luôn đi đầu trong các phong trào đổi mới giáo dục, tạo môi trường sư phạm trong nhà trường.

Trong xu thế phát triển hội nhập kinh tế toàn cầu, để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay đòi hỏi Hiệu trưởng nhà trường cần phải đổi mới tư duy quản lý, cải cách quản lý giáo dục, thường xuyên cập nhật thông tin đáp ứng nhu cầu đào tạo con người trong giai đoạn mới.

Điều lệ trường THPT qui định Hiệu trưởng nhà trường có nhiệm vụ quyền hạn sau đây:

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;
- Thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường được quy định tại khoản 2

Điều 20 của điều lệ này;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học;
- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước; quản lý hồ sơ tuyển dụng giáo viên, nhân viên;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh; ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quản lý tài chính, tài sản nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường.

- Hiệu trưởng nhà trường được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. **1.4.2. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh THPT**

Để thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức học sinh, hiệu trưởng nhà trường phải thực hiện các chức năng quản lý sau:

+ *Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục đạo đức:*

- Phân tích thực trạng GDĐĐ trong năm học, xác định điều kiện vật chất, nguồn lực, thời gian, sự phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức trong và ngoài trường, ưu điểm và hạn chế của công tác GDĐĐ trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu, kế hoạch đề ra biện pháp khắc phục. Xác định mục tiêu trong quản lý hoạt động GDĐĐ đó là: Mục tiêu, phương hướng của nhà trường về công tác giáo dục giáo dục đạo đức học sinh.

- Căn cứ vào thực tế của nhà trường phân tích kế hoạch giáo dục của ngành, địa phương, của trường để làm cơ sở xây dựng kế hoạch, cần thống nhất giữa giáo dục đạo đức với các mặt giáo dục khác trong nhà trường để xây dựng mục tiêu giáo dục đạo đức.

- Tìm hiểu, nghiên cứu các chuẩn mực, giá trị đạo đức trong xã hội truyền thống, xu thế giá trị đạo đức hiện nay và các giá trị đạo đức trên thế giới để xây dựng chương trình, nội dung GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường.

- Cần tìm hiểu đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội, văn hóa-giáo dục, phong tục tập quán của địa phương vì giáo dục đạo đức luôn thống nhất với quá trình phát triển xã hội và môi trường sống của địa phương.

- Xác định các điều kiện cho công tác giáo dục đạo đức như: nguồn lực, cơ sở vật chất, tài chính, thời gian, sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

Yêu cầu khi xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức:

+ Kế hoạch phải thể hiện tính khoa học, kế thừa, cụ thể, trọng tâm ở nội dung, chương trình, bài học trong học kỳ của năm học.

+ Kế hoạch có tính phân cấp quản lý của Hiệu trưởng, đảm bảo tính thống

nhất, đồng bộ, cụ thể.

+ Kế hoạch phản ánh được mối quan hệ tương quan giữa mục đích, mục tiêu nội dung, phương pháp, phương tiện, thời gian, hình thức tổ chức, biện pháp, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học với việc thực hiện các yêu cầu trên. + *Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức:*

Sau khi hoạch định kế hoạch và tổ chức sắp xếp tổ chức thực hiện, Hiệu trưởng tác động đến các thành viên trong nhà trường, chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức, điều khiển cho các hệ thống hoạt động diễn ra trong kỷ cương, định hướng cụ thể như:

- Trao đổi với GV bộ môn về lồng ghép mục tiêu GDĐĐ học sinh trong bài giảng, các biện pháp GDĐĐ nhất là đối với các em HS chưa ngoan, còn vi phạm đạo đức.

- Ngay từ đầu năm học, hiệu trưởng (hoặc có thể phân công cho phó hiệu trưởng phụ trách) họp với các GVCN, trong đó phổ biến những yêu cầu, quy định của ngành, kế hoạch của nhà trường, những kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm GDĐĐ HS (điều này đặc biệt cần thiết cho các giáo viên trẻ, mới ra trường). Sau đó qui định chế độ họp định kỳ, chỉ đạo kế hoạch GDĐĐ học sinh.

- Chỉ đạo hỗ trợ đoàn thanh niên tổ chức các phong trào theo kế hoạch, đề ra các tiêu chí thi đua giữa các lớp.

+ *Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh:*

Sau khi lập xong kế hoạch GDĐĐ là quá trình thực hiện ý tưởng, phân công lao động, điều phối các nguồn lực một cách hợp lý để đạt được mục tiêu đề ra bao gồm các công việc sau:

- Tổ chức thành lập Ban chỉ đạo quản lý hoạt động GDĐĐ, họp hội đồng nhà trường thông qua chương trình, nội dung, phương pháp, cách thức thực hiện. - Xây dựng các lực lượng tham gia GDĐĐ học sinh thông qua môn học tích hợp và các hoạt động giáo dục khác.

- Thông báo kế hoạch, mục tiêu, yêu cầu chương trình hành động đến các thành viên trong nhà trường trong đó phải qui định chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân, thảo luận các biện pháp thực hiện kế hoạch.

- Phân công trách nhiệm quản lý, phân cấp cho Ban giám hiệu, tổ chuyên

môn, bố trí, sắp xếp nhân sự sao cho phù hợp với năng lực từng người, phát huy tối đa ưu điểm, năng lực của cá nhân, tập thể được phân công.

24

- Phân định thời gian, phân bổ kinh phí, phương tiện hỗ trợ tổ chức các hoạt động GDĐĐ cho học sinh như: Panô, áp phích, phương tiện thông tin... + *Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường*: Trong quản lý GDĐĐ học sinh việc kiểm tra đánh giá có ý nghĩa không chỉ đối với các nhà QLGD mà còn có ý nghĩa đối với học sinh. Vì qua kiểm tra của giáo viên HS hiểu rõ hơn về các hoạt động của mình, điều chỉnh kịp thời những hành vi đạo đức của bản thân sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức, từ đó HS hoạt động tự giác và tích cực hơn.

Trong quản lý GDĐĐ việc kiểm tra có ý nghĩa không chỉ với nhà quản lý giáo dục mà còn có ý nghĩa đối với học sinh. Vì qua kiểm tra của giáo viên, học sinh hiểu rõ hơn về các hoạt động của mình, điều chỉnh kịp thời nếu hành vi đó không phù hợp, qua đó giúp các em hoạt động tự giác, tích cực hơn. Người quản lý sẽ rút kinh nghiệm và bổ sung điều chỉnh phương pháp GDĐĐ cho phù hợp để đạt được mục tiêu và kết quả cao nhất. Để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá Hiệu trưởng cần tiến hành các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng tiêu chí quy chuẩn đánh giá phù hợp đặc điểm, điều kiện của nhà trường một cách khách quan, đánh giá đúng về hiệu quả công việc cụ thể (Tiêu chí đánh giá giáo viên chủ nhiệm giỏi; Tiêu chí đánh giá rèn luyện đối với HS; Tổ chức giám sát việc đánh giá rèn luyện hàng tháng của học sinh, học kỳ, năm học).

- Hiệu trưởng lập kế hoạch, tổ chức xây dựng các lực lượng kiểm tra, đánh giá định kỳ, thường xuyên, đột xuất, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm tra thực trạng việc chấp hành quyết định quản lý.

- Nắm chắc kết quả kiểm tra đánh giá và các phản hồi từ giáo viên, phụ huynh và học sinh, các thông tin từ bên ngoài nhà trường để điều chỉnh quản lý giáo dục học sinh có hiệu quả cao hơn.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT

1.5.1. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT

Học sinh THPT với đặc điểm cụ thể từ 15 đến 18 tuổi, là lứa tuổi cuối

lứa tuổi vị thành niên đây là giai đoạn phát triển thay đổi rất mạnh mẽ về thể chất lẫn tâm lý, là lứa tuổi đầu tiên của tuổi thanh niên, các em luôn có xu hướng tự

25

khẳng định mình, có ý thức vươn lên làm chủ bản thân. Đây cũng là thời kỳ then chốt phát triển nhân cách. Chính vì vậy mà các em không muốn bị gia đình ràng buộc, các em dễ có những nhận thức không đúng, lệch lạc, dẫn đến vi phạm các nội quy, quy định chung. Mặt khác, lứa tuổi này các em có nhu cầu giao tiếp với bạn bè rất lớn, có xu hướng tụ tập thành từng nhóm có cùng sở thích, ở giai đoạn này quá trình phát triển về tâm sinh lý ảnh hưởng rất nhiều tới tính cách của các em, dễ xúc động khi có một tác động nào đó, dễ bị lôi kéo, lòng kiên trì và khả năng kiềm chế yếu, các em có nhu cầu về tình bạn, tình bạn khác giới và tình yêu dẫn đến hành động thiếu suy nghĩ chín chắn, nhiều lúc vi phạm mà không biết. Các em có những ước mơ và tự xây dựng cho mình những kế hoạch, dự định cho bản thân trong tương lai. Khi không có sự hướng dẫn của người lớn thường dẫn đến những nhận thức lệch lạc về thực tế, hành vi, lợi ích dẫn đến các vi phạm.

Trong bối cảnh hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, sự bùng nổ thông tin trên thế giới và nhất là sự tác động của nền kinh tế thị trường dẫn đến sự biến đổi sâu sắc của đời sống xã hội tác động không nhỏ tới sự biến đổi tâm lý - đạo đức của thế hệ trẻ Việt Nam mà chủ yếu là học sinh.

- Trong giai đoạn này các em đang ở giai đoạn hoàng kim của quá trình phát triển thể lực và trí lực, cơ thể phát triển mạnh, sinh lực dồi dào.

- Lứa tuổi bộc lộ rõ nét về tính cách và các trạng thái tâm lý không ổn định, tính khí thay đổi thất thường. Đây cũng là lứa tuổi giàu mơ ước hoài bão, có khát vọng được cống hiến, mong muốn xã hội được ghi nhận

- Phần lớn ở lứa tuổi này có ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, có ý chí vươn lên trong học tập, khám phá và chiếm lĩnh tri thức khoa học và có ý chí học tập để lập nghiệp trong tương lai.

Tóm lại học sinh THPT là thời kỳ nhân cách được định hình rõ nét nhất, lứa

tuổi các em có nhiều biến đổi về tâm lý, sinh lý hết sức phức tạp. Vì vậy cần phải có hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức đa dạng không áp dụng mô hình giáo dục quá cứng nhắc sẽ không hiệu quả.

Vì vậy như học sinh có khó khăn trong rèn luyện đạo đức thường có các đặc điểm rất cụ thể như : Suy nghĩ lệch lạc về nhu cầu cá nhân , nghiện hút, cờ bạc , chơi các trò chơi không lành mạnh... có các biểu hiện tiêu cực đối lập với các mối

26

quan hệ văn hóa. Kém phát triển về ý thức đạo đức , hoặc có khi trở nên vô thức trong quan hệ với cộng đồng , với người khác. Nhận thức xã hội lệch lạc, thiếu niềm tin. Tự do dẫn đến các em hay có các thói quen vi phạm các kỷ cương , nề nếp, nội quy của tập thể.

1.5.2. Yếu tố gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi đặt nền móng cho sự hình thành nhân cách đầu tiên của mỗi cá nhân do vậy nó ảnh hưởng sâu sắc, trực tiếp đến việc hình thành và phát triển nhân cách của học sinh, cha mẹ ngoài trách nhiệm sinh và nuôi con còn có một trách nhiệm lớn hơn đó là phải giáo dục trưởng thành, có nhân cách, có trí tuệ và là người có ích cho xã hội. Trong gia đình, tình thương yêu của ông bà, cha, mẹ có sức mạnh cảm hóa rất lớn mà nhà trường và xã hội không làm được. Nhân cách không thể tự hình thành và phát triển đầy đủ và bền vững nếu như không có môi trường giáo dục lành mạnh, thuận lợi. Do vậy giáo dục gia đình chiếm một vị trí rất quan trọng. Nền nếp sinh hoạt của gia đình, những giá trị đạo đức của xã hội mà gia đình lựa chọn để giáo dục học sinh là những tác động trực tiếp, thường xuyên, lâu dài và mạnh mẽ đến học sinh, được học sinh tiếp thu thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhất.

Sự giáo dục từ phía gia đình, những tấm gương của ông, bà, cha mẹ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách của học sinh. Họ giáo dục cho học sinh lễ sống ở đời, tình thương yêu, nhường nhịn. Môi trường giáo dục của gia đình rất quan trọng, bởi vì đây là môi trường đầu tiên mà học sinh tiếp xúc và tiếp xúc rất thường xuyên. Cũng có nhiều bậc cha mẹ có quan điểm: Để cho con cái phát triển

một cách tự nhiên, quan hệ bạn bè theo sở thích, gia đình không can thiệp sâu vào việc học cũng như mối quan hệ của con cái nhằm tạo cho chúng một tâm lý thoải mái, không gò bó, khuôn khổ nhưng quên rằng các em chưa đủ trí khôn để nhận biết mặt trái của vấn đề, chúng sẽ dễ bị lôi kéo, sa ngã bởi tác động của những mối quan hệ xã hội khác. Cả hai cách trên sẽ khó mang lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục. Thiết nghĩ các bậc cha mẹ cần dành thời gian trao đổi, tâm sự cùng con cái, bàn luận cùng học sinh về các vấn đề đã và đang diễn ra ở ngay trong gia đình, làng, xóm hoặc ngoài xã hội từ những mẫu chuyện người tốt việc tốt đến tấm lòng vàng, kể cả những tệ nạn xã hội Qua đó phân tích mặt đúng, mặt sai, cái tốt, cái xấu để

27

học sinh hiểu và nhận thức được vấn đề đồng thời hình thành cho học sinh kỹ năng tự ứng phó trước những cám dỗ của xã hội. Thường xuyên liên hệ với giáo viên chủ nhiệm, ban giám hiệu nhà trường, cung cấp những thông tin về hoạt động, rèn luyện của học sinh ở nhà, trên cơ sở đó nhà trường và gia đình bàn bạc biện pháp giải quyết những khó khăn.

1.5.3. Yếu tố nhà trường

Nhà trường có vai trò chủ đạo trong việc hình thành và phát triển nhân cách học sinh, ngoài việc cung cấp kiến thức nhà trường còn tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức học sinh là dạy chữ và dạy người. Các thầy cô giúp học sinh chiếm lĩnh tri thức khoa học, hình thành và phát triển nhân cách toàn vẹn theo mục tiêu giáo dục đề ra. Do vậy mỗi thầy cô giáo phải tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Hiện nay Đảng, nhà nước yêu cầu đổi mới trong sự nghiệp giáo dục để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta đang sống trong thời đại có sự tiến bộ mạnh mẽ về khoa học công nghệ, sự bùng nổ của thông tin toàn cầu. Để có thể hòa nhập với thế giới trong mọi lĩnh vực đòi hỏi mỗi học sinh cần phải phấn đấu nỗ lực tiếp thu tri thức về kiến thức khoa học, tu dưỡng rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống trong thực tế để vươn lên trong cuộc sống để không lạc hậu với thời cuộc. Nhà trường ngoài nhiệm vụ cung cấp kiến thức phổ thông cho học sinh thì việc giáo dục đạo đức cho học sinh là mặt thứ hai của một vấn đề đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa có tài có đức để phục vụ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Người thầy giáo trong xã hội Việt Nam luôn được đề cao, tôn vinh. Người thầy được kính trọng “*Không thầy đố mày làm nên*” rõ ràng nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam là tôn sư trọng đạo, đây là nét đẹp truyền thống từ đời này truyền sang đời khác.

Các thầy cô giáo đứng trên bục giảng để truyền thụ cho các thế hệ đời sau những điều hay lẽ phải, những tinh túy chắc lọc được từ ngàn đời truyền lại qua bài giảng với tinh thần trách nhiệm cao, người thầy phải có quá trình học tập, rèn luyện ở nhà trường sư phạm. Ra trường, đi dạy lại càng phải có nhu cầu tự học, tự rèn học hỏi trong nhiều lĩnh vực. Điều mà đội ngũ thầy cô cần phải quan tâm trước nhất là đạo đức của người thầy. Thầy cô giáo luôn vẫn phải là tấm gương sáng cho học sinh noi

28

theo. Cuộc vận động “*Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm*” thực hiện chuẩn mực đạo đức. Thầy giáo muốn đạt hiệu quả cao trong giáo dục phải biết kết hợp với gia đình, các bậc cha mẹ, hiểu thấu đáo học sinh để có phương pháp dạy dỗ thích hợp. Hiện tượng vi phạm đạo đức, gian lận trong thi cử mới dần khắc phục có hiệu quả.

Có những định kiến, thiếu thiện cảm đối với học sinh; sự dụng dâm thái quá của biên pháp hành chính; có sự lạm dụng quyền lực của các thầy cô giáo, nhà quản lý; thiếu gương mẫu trong mô phạm giáo dục; việc đánh giá kết quả, khen thưởng, kỷ luật thiếu khách quan và không công bằng; thiếu sự thống nhất giữa giáo dục sư phạm trong các tổ chức khác trong nhà trường; thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

1.5.4. Yếu tố xã hội

Trong quá trình phát triển và hình thành nhân cách, môi trường xã hội có tầm quan trọng đặc biệt, vì không có xã hội loài người thì những tư chất của con người không thể phát triển được. Sự hình thành và phát triển nhân cách là một quá trình phức tạp và lâu dài, trong quá trình sống con người có được kinh nghiệm sống, niềm tin và thói quen đều dựa vào chuẩn mực xã hội để điều chỉnh cho phù hợp.

Trong vài năm gần đây, do tác động của cơ chế thị trường nên nhiều gia đình

cũng đã tập trung lạm kinh tế nên đạo mặc không quan tâm đến con cái. Có gia đình khi cho tiền cho con tiêu pha không có kế hoạch, giám sát chặt chẽ dẫn đến nguy cơ dễ bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội như: Cờ bạc, số đề, nghiện hút, Internet. Vì vậy, để tạo ra một môi trường đảm bảo cho nhân cách có sự phát triển hài hòa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là vô cùng cần thiết.

Tiểu kết chương 1

Giáo dục đạo đức học sinh THPT không phải là một vấn đề mới, song phối hợp các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức học sinh THPT trong giai đoạn hiện nay bao giờ cũng là một vấn đề có tính chất cần thiết và cấp bách, để đáp ứng theo yêu cầu đổi mới của giáo dục.

Đất nước ta đang trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu, chịu ảnh hưởng rất lớn sự du nhập nhiều giá trị văn hóa của các nước trên thế giới trong đó có những giá trị văn hóa tích cực và tiêu cực. Do vậy để tiếp thu những giá trị văn hóa tinh hoa của dân tộc các nước trên thế giới cần phải nhìn nhận đúng đắn, chắt lọc phù hợp với giá trị truyền thống của dân tộc. Giáo dục đạo đức học sinh THPT là quá trình kết hợp giữa quá trình giáo dục đạo đức và quá trình tự giáo dục, do đặc điểm của đạo đức, công tác giáo dục đạo đức không chỉ dừng lại việc truyền thụ tri thức của các khái niệm, nguyên lý, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức như những tri thức khoa học khác. Để trở thành niềm tin, lý tưởng, các nội dung nguyên lý đó phải gắn liền

với những cảm xúc trách nhiệm của con người. Chính vì vậy, đòi hỏi quá trình giáo dục phải gắn chặt với quá trình tự giáo dục (con người suy ngẫm, trăn trở về mặt lý thuyết và thực tiễn). Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trong trường THPT phải có biện pháp hiệu quả, thiết thực kết hợp giữa quá trình giáo dục và tự giáo dục tạo nên động lực mạnh mẽ giúp các em vượt qua những khó khăn, trở ngại để điều chỉnh hành vi đạo đức của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ban toạ tổng văn hoá Trung ương (2005)**, *Tài liệu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. **Bộ Chính trị**, *Chỉ thị 03-CT/TW*, ngày 14/5/2011.
3. **Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011)**, *Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy định Chuẩn đánh giá xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*.
4. **Bộ Giáo dục và Đào tạo**, *Điều lệ trường Trung học*. Nxb Giáo dục.
5. **Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009)**, *Luật giáo dục sửa đổi bổ sung*. Nxb Giáo dục.
6. **Nguyễn Đức Chính** *Đánh giá đo lường trong giáo dục; Quản lý chất lượng trong giáo dục*. Tài liệu giảng dạy lớp cao học QLGD (Trường Đại học giáo dục).
7. **Đảng cộng sản Việt Nam (1997)**, *Nghị quyết hội nghị lần thứ ba khóa VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
8. **Đảng cộng sản Việt Nam (2001)**, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*.

Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.

9. **Đảng cộng sản Việt Nam (2004)**, *Nghị quyết hội nghị BCH trung ương khóa IX*.

10. **Đảng cộng sản Việt Nam (2013)**, *Nghị quyết hội nghị BCH trung ương khóa XI*.

11. **Đảng cộng sản Việt Nam (2011)**, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.

12. **Đảng cộng sản Việt Nam (2016)**, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb Bộ thông tin và Truyền thông, Hà nội.

13. **Nguyễn Văn Hà (2016)**, Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Quan Lạn, Vân Đồn, Quảng Ninh. Luận văn thạc sỹ Quản lý giáo dục.

14. **Phạm Minh Hạc (1999)**, *Khoa học quản lý*. Nxb Giáo dục Hà Nội 15. **Phạm Minh Hạc và nhiều tác giả khác (2002)**, *Giáo dục Việt nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

16. **Phạm Minh Huệ (2011)**, *Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh ở trường THPT thành phố Thái Bình*, Luận văn thạc sỹ Quản lý giáo dục.

89

17. **Trần Hậu Kiềm (1997)**, Đạo đức học. Nxb Giáo dục

18. **Nguyễn Thị Mỹ Lộc- Nguyễn Quốc Chí (2010)**, *Đại cương khoa học quản lý*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

19. **Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2015)**, *Quản lý giáo dục - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

20. **Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa- Trần Văn Tính- Vũ Phơng Liên (2010)**, *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh THPT*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

21. **Macarencó. A.C (1976)**, *Giáo dục trong thực tiễn*. Nxb Thanh niên, Hà Nội 22.

Hồ Chí Minh (1990), *Vấn đề giáo dục đạo đức*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

23. **Hồ Chí Minh (1990)**, *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội. 24. **Nguyễn Ngọc Quang (1998)**, *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

25. **Hà Nhật Thăng (1999)**, *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*. Nxb Giáo dục Hà Nội.

26. **Hà Nhật Thăng (2009)**, *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*.
Nxb Giáo dục Việt Nam.
27. **Từ điển tiếng Việt (1998)**, Nxb Giáo dục 24.
28. **Phạm Viết Vọng (2010)**, *Giáo dục học*. Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.